**ĐỀ CƯƠNG MÔN GIÁO DỤC KINH TẾ VÀ PHÁP LUẬT 10**

**(CHO HỌC SINH CHUYỂN BAN)**

**Phần một: giáo dục kinh tế**

**BÀI 1:**

 **NỀN KINH TẾ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG CỦA NỀN KINH TẾ**

**1. Hoạt động sản xuất**

- Hoạt động sản xuất là hoạt động con người tạo ra sản phẩm vật chất và tinh thần, đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội.

- Vai trò: Hoạt động sản xuất là hoạt động cơ bản nhất của con người, quyết định đến các hoạt động - phân phối - trao đổi, tiêu dùng.

**2. Hoạt động phân phối – trao đổi**

- Phân phối là hoạt động phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành, các đơn vị sản xuất và phân chia sản phẩm từ người sản xuất đến người tiêu dùng.

- Trao đổi là hoạt động nhà sản xuất đưa sản phẩm đến với người tiêu dùng.

***- Vai trò:***

+ Hoạt động phân phối - trao đổi thực hiện vai trò trung gian, kết nối sản xuất với tiêu dùng.

+ Hoạt động phân phối đóng vai trò phân chia các yếu tố của quá trình sản xuất. Phân phối phù hợp sẽ góp phần vào sự phát triển của sản xuất và tiêu dùng.

+ Hoạt động trao đổi đóng vai trò kết nối sản xuất với tiêu dùng, giúp người sản xuất bán được sản phẩm, duy trì, phát triển hoạt động sản xuất và đáp ứng nhu cầu mua sắm của người tiêu dùng.

**3. Hoạt động tiêu dùng**

- Hoạt động tiêu dùng là hoạt động con người sử dụng các sản phẩm được sản xuất để thỏa mãn nhu cẩu vật chất và tinh thần của mình.

- Tiêu dùng là mục đích của sản xuất.

**4. Trách nhiệm của công dân khi tham gia vào các hoạt động kinh tế**

- Tích cực tìm hiểu các kiến thức về kinh tế

- Chủ động tham gia vào các hoạt động của nền kinh tế

- Tuyên truyền vận động mọi người cùng tham gia

- Phê phán đấu tranh với các hành vi vi phạm

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Việc làm nào dưới đây thể hiện trách nhiệm xã hội của hoạt động sản xuất?

**A.** Công ti H sản xuất hàng hóa gắn với bảo vệ môi trường.

**B.** Cửa hàng xăng dầu A gian lận trong việc bán hàng.

**C.** Công ti E làm giả hoá đơn để được miễn giảm thuế.

**D.** Ông K xả chất thải chưa qua xử lý ra môi trường.

**Câu 2:** Khi tiến hành phân bổ nguyên vật liệu của công ty tới các bộ phận khác nhau trong dây chuyền sản xuất, quá trình này này gắn liền với hoạt động nào dưới đây của nền kinh tế xã hội ? DT6

**A.** sản xuất. **B.** tiêu dùng. **C.** phân phối. **D.** trao đổi.

**Câu 3:** Trong các hoạt động của con người, hoạt động sản xuất đóng vai trò là hoạt động

**A.** ít quan trọng. **B.** bình thường nhất. **C.** thiết yếu nhất. **D.** cơ bản nhất.

**Câu 4:** Trong nền kinh tế xã hội, hoạt động đóng vai trò cơ bản nhất, quyết định các hoạt động khác của đời sống xã hội là hoạt động

**A.** sản xuất **B.** phân phối. **C.** tiêu dùng **D.** trao đổi.

**Câu 5:** Trong nền kinh tế thị trường, việc làm nào dưới đây của các chủ thể kinh tế gắn liền với hoạt động phân phối ?

**A.** Công ty A điều chỉnh cơ cấu mặt hàng sản xuất.

**B.** Công ty A điều chỉnh nhiệm vụ các nhân viên.

**C.** Công ty A điều chỉnh cơ cấu nhân sự công ty.

**D.** Công ty A nhập nguyên liệu để tăng ca sản xuất.

**Câu 6:** Trong các hoạt động kinh tế, hoạt động nào đóng vai trò trung gian, kết nối người sản xuất với người tiêu dùng?

**A.** Hoạt động vận chuyển - tiêu dùng **B.** Hoạt động phân phối - trao đổi

**C.** Hoạt động sản xuất - vận chuyển **D.** Hoạt động sản xuất - tiêu thụ

**Câu 7:** Một nền kinh tế bao gồm các hoạt động cơ bản nào?

**A.** Sản xuất, phân phối - trao đổi, tiêu dùng

**B.** Sản xuất, kinh doanh, trao đổi, thu nhập

**C.** Sản xuất, kinh doanh, tiêu dùng, thu nhập

**D.** Sản xuất, kinh doanh, trao đổi, cạnh tranh.

**Câu 8:** Trong nền kinh tế thị trường, việc làm nào dưới đây của các chủ thể kinh tế gắn liền với hoạt động phân phối ? DT1

**A.** Giám đốc phân bổ lợi nhuận cho các thành viên.

**B.** Giám đốc phân công nhiệm vụ các ca trực.

**C.** Công ty A nhập nguyên liệu để mở rộng sản xuất

**D.** Lãnh đạo công ty điều động nhân sự.

**Câu 9:** Quá trình phân chia các yếu tố sản xuất cho các ngành sản xuất để tạo ra sản phẩm là nội dung của khái niệm

**A.** sản xuất **B.** phân phối. **C.** tiêu dùng **D.** trao đổi.

**Câu 10:** Trong nền kinh tế, việc tiến hành phân chia kết quả sản xuất cho tiêu dùng được gọi là

**A.** sản xuất của cải vật chất. **B.** phân phối cho sản xuất

**C.** phân phối cho tiêu dùng. **D.** tiêu dùng cho sản xuất.

**BÀI 2: CÁC CHỦ THỂ CỦA NỀN KINH TẾ**

**1. Các chủ thể của nền kinh tế:**

**a. Chủ thể sản xuất:**

- Chủ thể sản xuất: Là những cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp,...sử dụng các yếu tố đầu vào như nguồn vốn, sức lao động, tài nguyên,... tạo ra hàng hoá (sản phẩm, dịch vụ) cho xã hội, phục vụ nhu cầu tiêu dùng, góp phần thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế.

- Ngoài mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận, chủ thể sản xuất cần phải tuân thủ pháp luật, có trách nhiệm cung cấp những hàng hoá, không làm tổn hại đến con người, môi trường và xã hội

**b. Chủ thể tiêu dùng:**

- Là người tiêu thụ các sản phẩm, dịch vụ để thoả mãn nhu cầu của mình. Chủ thể tiêu dùng có vai trò quan trọng trong việc định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển, có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững.

- Chủ thể tiêu dùng cần phải có trách nhiệm đối với sự phát triển bền vững của xã hội; lựa chọn, tiêu dùng hàng hoá có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng; phê phán hành vi trái pháp luật trong hoạt động kinh tế.

**c. Chủ thể trung gian**

Gồm những tồ chức cá nhân giữ vai trò kết nối giữa người tiêu dùng và người sản xuất trong nền kinh tế. Dưới tác động của phân công lao dộng xã hội, những chủ thể trung gian xuất hiện trên thị trường thực hiện kết nối các quan hệ mua và bán, sản xuất và tiêu dùng,... giúp nền kinh tế linh hoạt, hiệu quả.

**d. Chủ thể nhà nước**

Có vai trò điều tiết và tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành kinh tế khác nhau hoạt động sản xuất kinh doanh hiệu quả. Đồng thời, Nhà nước cũng tác động để điều chỉnh và khắc phục những vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển.

**2. Trách nhiệm của công dân với tư cách là một chủ thể kinh tế**

- Tích cực tham gia các hoạt động kinh tế phù hợp với lứa tuổi

- Thực hiện tốt vai trò và trách nhiệm xã hội khi tham gia vào các chủ thể của nền kinh tế

- Đấu tranh với những hành vi vi phạm khi tham gia vào các hoạt động kinh tế.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể nào dưới đây tiến hành các hoạt động mua hàng rồi bán lại cho các đại lý?

**A.** chủ thể nhà nước. **B.** chủ thể tiêu dùng.

**C.** chủ thể sản xuất. **D.** chủ thể trung gian.

**Câu 2:** Chủ thể sản xuất là những người DT6

**A.** phân phối hàng hóa, dịch vụ. **B.** hỗ trợ sản xuất hàng hóa, dịch vụ.

**C.** trao đổi hàng hóa, dịch vụ. **D.** sản xuất ra hàng hóa, dịch vụ

**Câu 3:** Nội dung nào dưới đây là vai trò của chủ thể tiêu dùng?

**A.** Tiết kiệm năng lượng.

**B.** Tạo ra sản phẩm phù hợp với nhu cầu của xã hội.

**C.** Giúp nền kinh tế linh hoạt hơn.

**D.** Định hướng, tạo động lực cho sản xuất phát triển.

**Câu 4:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào đóng vai trò là cầu nối giữa chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng?

**A.** chủ thể trung gian. **B.** Nhà đầu tư chứng khoán.

**C.** chủ thể doanh nghiệp. **D.** chủ thể nhà nước.

**Câu 5:** Chủ thể trung gian **không** có vai trò nào dưới đây ?

**A.** Cầu nối giữa sản xuất và tiêu dùng.

**B.** Phân phối hàng hóa đến tay người tiêu dùng.

**C.** Thúc đẩy sản xuất và tiêu dùng hiệu quả

**D.** Tạo ra sản phẩm hàng hóa cho người tiêu dùng.

**Câu 6:** Chủ thể nào đóng vai trò quan trọng trong việc tạo ra hàng hoá cho xã hội, phục vụ nhu cầu tiêu dùng?

**A.** Chủ thể trung gian **B.** Doanh nghiệp Nhà nước

**C.** Các điểm bán hàng **D.** Chủ thể sản xuất

**Câu 7:** Mô hình kinh tế thị trường có sự điều tiết ở từng nước, từng giai đoạn có thể khác nhau tuỳ thuộc vào mức độ can thiệp của Chính phủ đối với thị trường, song tất cả các mô hình đều có điểm chung là không thể thiếu vai trò kinh tế của chủ thể nào?

**A.** Chủ thể sản xuất **B.** Chủ thể tiêu dùng

**C.** Chủ thể Nhà nước **D.** Người sản xuất kinh doanh

**Câu 8:** Nội dung nào dưới đây **không** thể hiện vai trò của chủ thể kinh tế nhà nước?

**A.** Gia tăng tỷ lệ thất nghiệp. **B.** Tạo môi trường pháp lý thuận lợi.

**C.** Đảm bảo xã hội ổn định. **D.** Đảm bảo ổn định chính trị.

**Câu 9:** Trong nền kinh tế, chủ thể trung gian đóng vai trò như thế nào trong mối quan hệ với chủ thể sản xuất và chủ thể tiêu dùng?

**A.** độc lập. **B.** cầu nối **C.** cuối cùng. **D.** sản xuất.

**Câu 10:** Trong nền kinh tế nước ta, chủ thể nào đóng vai trò quản lý toàn bộ nền kinh tế quốc dân?

**A.** chủ thể trung gian. **B.** chủ thể nhà nước

**C.** chủ thể tiêu dùng. **D.** chủ thể sản xuất.

**Câu 11:** Trong nền kinh tế hàng hóa, chủ thể tiêu dùng thường gắn với việc làm nào dưới đây?

**A.** Mua gạo về ăn. **B.** Giới thiệu việc làm.

**C.** Sản xuất hàng hóa. **D.** Phân phối hàng hóa.

**Câu 12:** Đối tượng nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể trung gian?

**A.** Người môi giới việc làm. **B.** Nhà phân phối.

**C.** Người mua hàng. **D.** Đại lý bán lẻ.

**Câu 13:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây **không** đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

**A.** Hộ kinh doanh. **B.** Người kinh doanh.

**C.** Người sản xuất. **D.** Người tiêu dùng.

**Câu 14:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể trung gian khi tham gia vào các quan hệ kinh tế?

**A.** Hộ kinh tế gia đình. **B.** Ngân hàng nhà nước.

**C.** Nhà đầu tư bất động sản. **D.** Trung tâm siêu thị điện máy.

**Câu 15:** Trong nền kinh tế, chủ thể nào dưới đây đóng vai trò là chủ thể sản xuất?

**A.** Kho bạc nhà nước. **B.** Người hoạt động kinh doanh.

**C.** Người tiêu dùng. **D.** Ngân hàng nhà nước.

 **BÀI 3:**

**THỊ TRƯỜNG VÀ CHỨC NĂNG CỦA THỊ TRƯỜNG**

**1. Khái niệm thị trường**

Thị trường là lĩnh vực trao đổi, mua bán mà ở đó các chủ thể kinh tế tác động qua lại lẫn nhau để xác định giá cả và số lượng hàng hoá, dịch vụ.

**2. Các loại thị trường**

- Căn cứ theo đối tượng hàng hoá, dịch vụ được trao đổi, mua bán: thị trường hàng hoá (thị trường gạo, thị trường sắt thép,...), thị trường dịch vụ (thị trường chăm sóc sắc đẹp, thị trường chứng khoán,...) gắn với các loại hàng hoá, dịch vụ khác nhau.

- Căn cứ vào vai trò của các yếu tố được trao đồi, mua bán: thị trường tư liệu tiêu dùng; thị trường tư liệu sản xuất.

- Căn cứ vào phạm vi hoạt động: thị trường trong nước và thị trường thế giới.

- Căn cứ vào vào tính chất và cơ chế vận hành: thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo (độc quyền).

**3. Các chức năng cơ bản của thị trường**

*- Chức năng thừa nhận giá trị của hàng hoá:* Thị trường thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá và lao động đã hao phí để sản xuất ra nó, thông qua việc hàng hoá có bán được hay không và bán với giá như thế nào.

*- Chức năng cung cấp thông tin cho các chủ thể kinh tế:* Thị trường cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng thông qua những biến động của nhu cầu xã hội về số lượng, chất lượng, chủng loại, cơ cấu các loại hàng hoá, giá cả, tình hình cung - cầu về các loại hàng hoá,...

*- Chức năng điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng:* Trên cơ sờ những thông tin thu được từ thị trường, người sản xuất và người tiêu dùng sẽ có những ứng xử, điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với sự biến đổi của thị trường, nhờ đó sản xuất và tiêu dùng được kích thích hoặc hạn chế.

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Thị trường **không** có yếu tố nào dưới đây?

**A.** Nhạc sỹ. **B.** Người mua. **C.** Tiền tệ. **D.** Hàng hóa.

**Câu 2:** Hành vi chủ thể kinh tế nào dưới đây **không** đúng khi tham gia vào thị trường? DT16

**A.** Doanh nghiệp bán lẻ X tăng giá các mặt hàng khi chi phí vận chuyển tăng cao.

**B.** Giá rau ở chợ M tăng đột biến do rau khan hiếm, nhập về ít.

**C.** Công ti H giảm giá mua thanh long do đối tác ngừng hợp đồng thu mua.

**D.** Trạm xăng dầu B đóng cửa không bán vì giá xăng tăng lên vào ngày mai.

**Câu 3:** Căn cứ vào tính chất và cơ chế vận hành, thị trường được chia thành:

**A.** Thị trường cạnh tranh hoàn hảo, thị trường cạnh tranh không hoàn hảo.

**B.** Thị trường tư liệu sản xuất, thị trường tư liệu tiêu dùng.

**C.** Thị trường trong nước, thị trường ngoài nước.

**D.** Thị trường ô tô, thị trường bảo hiểm, thị trường chứng khoán,...

**Câu 4:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

**A.** làm trung gian trao đổi. **B.** đo lường giá trị hàng hóa.

**C.** thừa nhận giá trị hàng hóa. **D.** biểu hiện bằng giá cả.

**Câu 5:** Một trong những quan hệ cơ bản của thị trường là quan hệ

**A.** Cầu – cạnh tranh. **B.** Cầu – nhà nước **C.** Cầu – sản xuất. **D.** cung – cầu.

**Câu 6:** Sản xuất hàng hóa số lượng bao nhiêu, giá cả như thế nào do nhân tố nào sau đây quyết định?

**A.** Người làm dịch vụ. **B.** Nhà nước.

**C.** Thị trường. **D.** Người sản xuất.

**Câu 7:** Trong nền kinh tế hàng hóa, thị trường **không** có chức năng cơ bản nào sau đây?

**A.** Điều tiết sản xuất. **B.** Cung cấp thông tin.

**C.** Kích thích tiêu dùng. **D.** Phương tiện cất trữ.

**Câu 8:** Căn cứ vào tiêu chí/ đặc điểm nào để phân chia các loại thị trường như thị trường vàng, thị trường bảo hiểm, thị trường bất động sản?

**A.** Phạm vi hoạt động **B.** Đối tượng hàng hoá

**C.** Tính chất và cơ chế vận hành **D.** Vai trò của các đối tượng mua bán

**Câu 9:** Nội dung nào dưới đây **không** phải là chức năng của thị trường?

**A.** Cung cấp hàng hoá, dịch vụ ra thị trường.

**B.** Điều tiết, kích thích hoặc hạn chế sản xuất và tiêu dùng.

**C.** Cung cấp thông tin cho người sản xuất và người tiêu dùng.

**D.** Thừa nhận công dụng xã hội của hàng hoá

**Câu 10:** Trong nền kinh tế hàng hóa, một trong những chức năng cơ bản của thị trường là chức năng

**A.** biểu hiện giá trị hàng hóa. **B.** làm môi giới trao đổi

**C.** thông tin giá cả hàng hóa. **D.** trao đổi hàng hóa.

 **PHẦN 2: PHÁP LUẬT**

**CHỦ ĐỀ 8: PHÁP LUẬT NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**BÀI 17: PHÁP LUẬT VÀ ĐỜI SỐNG**

**1. Khái niệm pháp luật**

Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự có tính bắt buộc chung, do Nhà nước ban hành và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước.

**2. Đặc điểm của pháp luật**

Pháp luật có đặc điểm sau:

- **Tính quy phạm phổ biến**: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự, là khuôn mẫu, chuẩn mực cho hành vi; được áp dụng nhiều lần, trong phạm vi hiệu lực mà nó tác động đến, với nhiều đối tượng.

- **Tính bắt buộc chung**: Nhà nước ban hành pháp luật và được bảo đảm thực hiện bằng quyền lực nhà nước. Mọi tổ chức, cá nhân đều phải thực hiện pháp luật. Mọi tổ chức, cá nhân đều phải thực hiện pháp luật. Mọi hành vi vi phạm pháp luật đều bị xử lí nghiêm minh.

- **Tính xác định chặt chẽ về hình thức**: Pháp luật là hệ thống các quy tắc xử sự đó được chứ đựng trong những văn bản pháp luật. Hình thức pháp lí của các văn bản pháp luật do luật định.

**3. Vai trò của pháp luật trong đời sống:**

Vai trò của pháp luật đối với đời sống:

- *Pháp luật là phương tiện để nhà nước quản lí xã hội*: Pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội theo ý chí của Nhà nước nhằm ổn định trật tự, đảm bảo sự phát triển bền vững của xã hội; đồng thời là cơ sở pháp lí cho hoạt động của Nhà nước.

- *Pháp luật là phương tiện để công dân thực hiện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình*; Pháp luật xác lập, ghi nhận các quyền của công dân trong các lĩnh vực đời sống xã hội; tạo cơ sở pháp lí để thực hiện quyền và yêu cầu Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

* **LUYỆN TẬP**

**Câu 1:** Bất kì ai trong điều kiện hoàn cảnh nhất định cũng phải xử xự theo khuôn mẫu được pháp luật quy định phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

**A.** Tính cưỡng chế. **B.** Tính quyền lực bắt buộc chung.

**C.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức. **D.** Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 2:** Luật hôn nhân gia đình quy định điều kiện kết hôn giữa nam và nữ áp dụng cho tất cả mọi người, không có ngoại lệ phản ánh đặc điểm cơ bản nào của pháp luật?

**A.** Tính xác định chặt chẽ về nội dung. **B.** Tính xác định chặt chẽ về hình thức.

**C.** Tính quyền lực, bắt buộc chung . **D.** Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 3:** Phát biểu nào sau đây **là sai** khi nói về vai trò quản lý xã hội của pháp luật?

**A.** Vì pháp luật đảm bảo tính công bằng dân chủ.

**B.** Vì pháp luật có tính phổ biến bắt buộc chung.

**C.** Vì pháp luật bảo đảm phù hợp với lợi ích chung.

**D.** Vì pháp luật không bao giờ thay đổi.

**Câu 4:** Những quy tắc xử sự chung được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi đối với tất cả mọi người là thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính chặt chẽ về hình thức. **B.** Tính kỉ luật nghiêm minh.

**C.** Tính quy phạm phổ biến. **D.** Tính quyền lực, bắt buộc chung.

**Câu 5:** Những người có hành vi không đúng quy định của pháp luật sẽ bị cơ quan có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để buộc họ phải tuân theo. Điều này thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính quy phạm phổ biến. **B.** Tính quyền lực, bắt buộc chung.

**C.** Hiệu lực tuyệt đối. **D.** Khả năng đảm bảo thi hành cao.

**Câu 6:** Tất cả mọi cá nhân, tổ chức ai cũng phải xử sự theo pháp luật. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính công khai. **B.** Tính dân chủ.

**C.** Tính quyền lực, bắt buộc chung. **D.** Tính quy phạm phổ biến.

**Câu 7:** Luật cơ bản của nhà nước, có hiệu lực pháp lý cao nhất là gì?

**A.** Nghị định. **B.** Chỉ thị. **C.** Hiến pháp. **D.** Thông tư.

**Câu 8:** Tất cả mọi cá nhân, tổ chức nếu vi phạm pháp pháp luật đều phải bị xử lý như nhau. Điều đó thể hiện đặc điểm nào dưới đây của pháp luật?

**A.** Tính quyền lực bắt buộc chung. **B.** Tính công khai.

**C.** Tính dân chủ. **D.** Tính qui phạm phổ biến.

**Câu 9:** Pháp luật có vai trò như thế nào đối với công dân?

**A.** Cưỡng chế mọi nghĩa vụ của công dân.

**B.** Bảo vệ mọi nhu cầu, lợi ích của công dân.

**C.** Bảo vệ quyền, lợi ích tuyệt đối của công dân.

**D.** Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

**Câu 10:** Tính quy phạm phổ biến của pháp luật là khuôn mẫu chung, được áp dụng nhiều lần, ở nhiều nơi, đối với tất cả mọi người trong đời sống xã hội cho nên nó gắn liền với các

**A.** quy tắc bắt buộc chung. **B.** quy tắc xử sự chung.

**C.** quy tắc bắt buộc riêng. **D.** quy tắc xử sự riêng.

**BÀI 19: THỰC HIỆN PHÁP LUẬT**

**1. Khái niệm và các hình thức thực hiện pháp luật.**

**a. Khái niệm:**

Thực hiện pháp luật là quá trình hoạt động có mục đích, làm cho những quy định của pháp luật đi vào cuộc sống, trở thành những hành vi hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

**b. Các hình thức thực hiện pháp luật.**

 - **Tuân theo pháp luật (tuân thủ pháp luật)** là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật kiềm chế không thực hiện những điều mà pháp luật cấm.

- **Thi hành pháp luật (chấp hành pháp luật)** là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật tiến hành các hoạt động mà pháp luật buộc phải làm.

- **Sử dụng pháp luật (vận dụng pháp luật)** là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các chủ thể pháp luật tiến hành các hoạt động mà pháp luật cho phép.

- **Áp dụng pháp luật** là hình thức thực hiện pháp luật, trong đó các cơ quan nhà nước, nhà chức trách có thẩm quyền hoặc tổ chức xã hội được Nhà nước trao quyền căn cứ vào quy định của pháp luật để ra các quyết định làm phát sinh, thay đổi hoặc chấm dứt việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ cụ thể của cá nhân, tổ chức.

**2. Công dân và việc thực hiện pháp luật**

* **LUYỆN TẬP:**

**Câu 1:** Là người kinh doanh, ông A luôn áp dụng đầy đủ các biện pháp bảo vệ môi trường. Vậy, ông A đã thực hiện pháp luật theo hình thức nào dưới đây?

**A.** Thi hành pháp luật. **B.** Áp dụng pháp luật.

**C.** Sử dụng pháp luật. **D.** Tôn trọng pháp luật.

**Câu 2:** Phát hiện một cơ sở kinh doanh cung cấp thực phẩm không đảm bảo an toàn vệ sinh, T đã báo với cơ quan chức năng để kiểm tra và kịp thời ngăn chặn. T đã thực hiện hình thức

**A.** thi hành pháp luật **B.** tuân thủ pháp luật. **C.** áp dụng pháp luật. **D.** sử dụng pháp luật.

**Câu 3:** Theo quy định của pháp luật, công dân **không** tuân thủ pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

**A.** Từ chối kê khai thông tin dịch tễ. **B.** Ủy quyền nghĩa vụ bầu cử.

**C.** Hỗ trợ việc cấp đổi căn cước. **D.** Hỗ trợ người nhập cảnh trái phép.

**Câu 4:** Công dân thi hành pháp luật khi

**A.** ủy quyền nghĩa vụ bầu cử. **B.** hoàn thiện hồ sơ đăng kiểm.

**C.** tìm hiểu thông tin nhân sự. **D.** sàng lọc giới tính thai nhi.

**Câu 5:** Hành vi nào dưới đây thể hiện công dân sử dụng pháp luật?

**A.** Người kinh doanh trốn thuế phải nộp phạt.

**B.** Công ty X thực hiện nghĩa vụ đóng thuế theo quy định pháp luật.

**C.** Các bên tranh chấp phải thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình .

**D.** Anh A và chị B đến tòa án để li hôn.

**Câu 6:** Hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây có sự tham gia của cơ quan, công chức nhà nước có thẩm quyền?

**A.** Sử dụng pháp luật. **B.** Tuân thủ pháp luật.

**C.** Áp dụng pháp luật. **D.** Thi hành pháp luật.

**Câu 7:** Công dân tuân thủ pháp luật khi từ chối

**A.** sử dụng vũ khí trái phép. **B.** nộp thuế đầy đủ theo quy định.

**C.** bảo vệ an ninh quốc gia. **D.** thực hiện nghĩa vụ bầu cử.

**Câu 8:** Công dân thi hành pháp luật khi thực hiện hành vi nào sau đây?

**A.** Thay đổi quyền nhân thân. **B.** Bảo vệ Tổ quốc.

**C.** Bảo trợ người khuyết tật. **D.** Hiến máu nhân đạo.

**Câu 9:** Người kinh doanh thực hiện nghĩa vụ nộp thuế là hình thức thực hiện pháp luật nào dưới đây?

**A.** Tuân thủ pháp luật. **B.** Áp dụng pháp luật.

**C.** Sử dụng pháp luật. **D.** Thi hành pháp luật.

**Câu 10:** Khi tham gia vào các quan hệ xã hội, công dân đều xử sự phù hợp với quy định của pháp luật là nội dung của khái niệm nào dưới đây?

**A.** Ban hành pháp luật. **B.** Giáo dục pháp luật.

**C.** Phổ biến pháp luật. **D.** Thực hiện Pháp luật.